

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT
VIỆT MỸ DENTAL 10 THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG KHÁM
Y KHOA QUỐC TẾ VIỆT MỸ 8
(Kèm theo Quyết định số 1256/QĐ-SYT ngày 13/11/2024 của Sở Y tế)

STT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	3061	3.1941	03. NHI KHOA	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
2.	3062	3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
3.	3063	3.1943	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng răng sữa
4.	3064	3.1944	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng sữa
5.	3065	3.1945	03. NHI KHOA	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂
6.	3067	3.1947	03. NHI KHOA	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
7.	3071	3.1952	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite
8.	3072	3.1953	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)
9.	3073	3.1954	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)
10.	3074	3.1955	03. NHI KHOA	Nhổ răng sữa
11.	3075	3.1956	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng sữa
12.	3076	3.1957	03. NHI KHOA	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
13.	3077	3.1958	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi trẻ em
14.	3078	3.1959	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi trẻ em
15.	3079	3.1960	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi
16.	3080	3.1961	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi do mọc răng
17.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
18.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
19.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
20.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha

				nguội
21.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
22.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
23.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
24.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
25.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
26.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
27.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
28.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
29.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
30.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
31.				
32.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
33.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
34.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
35.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
36.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
37.	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
38.	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
39.	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
40.	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
41.	14423	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
42.	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
43.	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
44.	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
45.	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
46.	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
47.	14435	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
48.	14440	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp

49.	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
50.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
51.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
52.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
53.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
54.	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
55.	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
56.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
57.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
58.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
59.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
60.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
61.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
62.	14509	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
63.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
64.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
65.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
66.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
67.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
68.	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hôi phức
69.	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
70.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
71.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
72.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
73.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
74.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
75.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em

Tổng: 75 danh mục.